

Bản án số: 12/2020/KDTM-PT

Ngày 26-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hán – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2019/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69^a/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Tầng 1,6,7 Tòa nhà S, số 16 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C; cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện D, thành phố Hải Phòng (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 3.1277.19 ngày 02/4/2019). Có mặt

- *Bị đơn:* Công ty BB; địa chỉ: Số 44 Đường Ch, phố X, phường DH 1, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Thành D (Giám đốc Công ty). Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Duy T; cư trú tại: Số 40 C1, phường B, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

2. Bà Đoàn Thị L; cư trú tại: Số 15/188 đường CH, phường DK, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

3. Ông Đào Quốc T; vắng mặt

4. Bà Đặng Thị H; vắng mặt

Cùng cư trú tại: Số 292 đường TL, phường N quận L, thành phố Hải Phòng.

5. Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại: Số 340 N, phường Q, quận HB, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

- Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/7/2010, Công ty BB ký kết Hợp đồng tín dụng số 523/HĐTD2-A30/10 với Ngân hàng A và ký Phụ lục số 01 ngày 29/10/2012 để vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh phân bón, đường, hạt nhựa, sản lát, cà phê, ô tô; hạn mức cấp tín dụng là 85.000.000.000đ hoặc ngoại tệ tương đương; thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 05 tháng kể từ ngày nhận nợ; lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng A và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nợ; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ và trả nợ lãi vào ngày 01 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng đã ký, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty BB tổng số tiền là 4.100.600 USD và 35.379.140.000đ theo 17 khế ước nhận nợ (Từ Khế ước số 523.01/KUNN2-VIB30/10 ngày 11/8/2010 đến Khế ước số 523.17/KUNN2-A30/10 ngày 26/5/2011).

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng A đã nhận nhiều tài sản thế chấp của Công ty BB và của người thứ ba.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty BB đã trả được 3.156.556 USD và 35.379.140.000đ nợ gốc của 13 khế ước từ Khế ước số 01 đến Khế ước số 13 (còn nợ số tiền của 04 Khế ước số 14,15,16 và 17).

Số Khế ước và ngày	Nợ gốc	Trong hạn	Quá hạn	Tổng
14 (20/4/2011)	0 VNĐ	195.393.334đ	254.563.220đ	449.956.555đ
15 (10/5/2011)	386.043,60USD	254.385.680đ	11.752.875.704đ	20.963.472.904đ
16 (17/5/2011)	248.000USD	111.827.712đ	5.994.012.552đ	11.859.440.264đ
17 (26/5/2011)	310.000USD	154.400.408đ	7.907.155.616đ	15.255.556.024đ

Tổng	944,044USD <i>Quy đổi:</i> 21.901.811.521đ	716.007.134đ	25.910.607.092đ	48.528.425.747đ
------	--	--------------	-----------------	------------------------

Kể từ ngày 01/9/2011 đến nay, Công ty BB không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả nợ thay cho Công ty BB, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/9/2011.

Công ty BB đã vi phạm Hợp đồng nên Ngân hàng A khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty BB thanh toán ngay cho Ngân hàng A tính đến ngày 28/11/2019 là 48.528.425.747đ (trong đó nợ gốc 21.901.811.521đ, nợ lãi trong hạn 716.007.134đ và nợ lãi quá hạn 25.910.607.092đ).

- Công ty BB tiếp tục phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp Công ty BB không trả nợ, trả nợ không đầy đủ toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ thay cho Công ty BB thì Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất 646 m² đất (trong đó 216 m² là đất thổ cư, 430 m² là đất ao), quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 349 và 450, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ xã DK, huyện AH, (nay là phường DK, quận L), thành phố Hải Phòng theo Giấy CNQSDĐ số: D 0370455, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 00469 QSDĐ do UBND huyện AH, thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/02/1995 cho ông Bùi Duy T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/4/2010, số công chứng: 1306/TC-ĐNV, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 02, thành phố Hải Phòng chứng nhận ngày 07/4/2010).

2. Quyền sử dụng đất 256,7 m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 952, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ xã V, huyện AH, (nay là phường V, quận L), thành phố Hải Phòng theo Giấy CNQSDĐ số: D 0357637, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 01388 QSDĐ do UBND huyện AH, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/01/1996 cho ông Đào Quốc T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 05/01/2010, số công chứng: 53/TC-ĐNV, quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 02, thành phố Hải Phòng chứng nhận ngày 06/01/2010).

3. Quyền sử dụng đất 100,5 m² đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 110, tờ bản đồ số 5I-I-09, tại địa chỉ Số 4 ngõ T, tổ 41, phường Q, quận HB, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 611008, số vào sổ cấp GCN: CH00680 do UBND quận HB, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/8/2012 cho bà Nguyễn Thị C. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 19/10/2012, số công chứng: 03568.12, quyền số: 10 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng VX, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 19/10/2012).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty BB nhưng đại diện của Công ty không có mặt tại Tòa và không có ý kiến trình bày.

** Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc T trình bày: Ông Tuấn đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu Công ty BB trả nợ. Ông T không nắm được số liệu cụ thể Công ty BB còn nợ Ngân hàng A là bao nhiêu. Tuy nhiên, ông T biết tài sản thế chấp của ông T để bảo đảm cho khoản vay của Công ty BB tại Ngân hàng A là 4,5 tỷ. Ông T đồng ý trả Ngân hàng A số nợ gốc này để rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Ông T không đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp để trả nợ cho khoản vay của Công ty BB tại Ngân hàng A.*

** Tại bản tự khai ngày 27/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Duy T và bà Đoàn Thị L trình bày: Đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu Công ty BB trả nợ. Do ông T đang mắc bệnh hiểm nghèo, không còn khả năng trả nợ, không có công ăn việc làm. Thời điểm cuối cùng Ngân hàng A định giá ngôi nhà ông T, bà L là 4,2 tỷ. Ông T, bà L muốn mua lại tài sản thế chấp là ngôi nhà của ông, bà với giá 4,2 tỷ. Trong trường hợp Ngân hàng A không đồng ý với yêu cầu của ông, bà thì đề nghị Ngân hàng A cũng phải có phương án hỗ trợ chỗ ở cho ông, bà vì thực tế ông, bà không còn chỗ ở.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C nhưng bà C không có mặt tại Tòa và không có ý kiến trình bày.*

** Tại Bản án sơ thẩm số 06/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, quyết định: Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 2, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 167, 323, 342, 343 và 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, Điều 106; Điểm a, khoản 1, Điều 130 Luật đất đai năm 2003; điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty BB phải trả cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2019 là 48.528.425.747đ(...); trong đó nợ gốc 21.901.811.521đ(...), nợ lãi trong hạn là 716.007.134đ(...), nợ lãi quá hạn là 25.910.607.092đ(...) theo hợp đồng tín dụng số 523/HĐTD2-VIB30/10 ngày 12/7/2010.

Kể từ ngày 29/11/2019, Công ty BB tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận được ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

2. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp không trả thay Công ty BB thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

- Tài sản thế chấp thứ nhất là: Quyền sử dụng đất 646 m² đất, ... cấp cho ông Bùi Duy T...

- Tài sản thế chấp thứ hai là: Quyền sử dụng đất 256,7 m² đất ở,... cấp cho ông Đào Quốc T...

- Tài sản thế chấp thứ ba là: Quyền sử dụng đất 100,5 m² đất ở,... cấp cho bà Nguyễn Thị C...

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/12/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị một phần bản án. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với việc quyết định khoản vay USD sang VNĐ và xem xét lại phần lãi phạt chậm trả lãi.

Tại cấp phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng A cung cấp cho Tòa án bảng tính chi tiết các khoản còn nợ của Công ty BB tính đến ngày 28/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm); cụ thể:

Số Khế ước và ngày	Nợ gốc	Trong hạn	Quá hạn	Tổng
14 (20/4/2011)	0 VNĐ	195.393.334đ	210.314.815đ	405.708.149đ
15 (10/5/2011)	386.044,40USD	8.247,2USD	476.414,2USD	870.705,8USD
16 (17/5/2011)	248.000USD	3.277,7USD	238.898,4USD	490.176,1USD
17 (26/5/2011)	310.000USD	3.694,2USD	297.716,2USD	611.410,4USD
Tổng	944,044USD	- 195.393.334đ; - 15.219,1USD	- 210.314.815đ; - 1.013.028,8USD	

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và rút một phần yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc của Khế ước nhận nợ số 523.15/KUNN22-VIB30/10 ngày 10/5/2011 với số tiền rút là 158.866 USD và rút yêu cầu phát mại đối với tài sản thế chấp thế của ông Bùi Duy T vì sau khi có bản án sơ thẩm thì giữa nguyên đơn và gia đình ông Thế đã có thỏa thuận về việc gia đình ông T trả một phần nợ cho bị đơn và nguyên đơn đồng ý giải chấp tài sản thế chấp của gia đình ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng sửa án sơ thẩm theo hướng đồng tiền trả nợ là đồng tiền vay của khoản vay và không chấp nhận một phần yêu cầu của số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng đối với số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xét việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Duy T, bà Đoàn Thị L, ông Đào Quốc T, bà Đặng Thị H và bà Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 228, khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[2]. Xét Hợp đồng tín dụng số 523/HĐTD2-VIB30/10 ngày 12/7/2010 và Phụ lục số 01 ngày 29/10/2012: Hợp đồng được người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A là ông Không Hữu Đ và người đại diện hợp pháp (đại diện theo ủy quyền) của Công ty BB là bà Nguyễn Thị V ký kết trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 122 BLDS năm 2005, xét thấy Hợp đồng có hiệu lực pháp. Thực hiện hợp đồng đã ký, VIB đã giải ngân cho Công ty BB vay tổng số tiền là 4.100.600 USD và 35.379.140.000đ theo 17 khế ước nhận nợ (Từ Khế ước số 523.01/KUNN2-VIB30/10 ngày 11/8/2010 đến Khế ước số 523.17/KUNN2-VIB30/10 ngày 26/5/2011). Công ty BB đã trả được số tiền của 13 Khế ước (Từ Khế ước số 01 đến Khế ước số 13) và còn nợ số tiền của 04 Khế ước (Từ Khế ước số 14 đến Khế ước số 17). Như vậy, Công ty BB đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng A khởi kiện để yêu cầu Công ty BB trả nợ là đúng.

[3]. Xét yêu cầu trả nợ gốc của Ngân hàng A: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của Ngân hàng A yêu cầu Công ty BB phải trả số tiền nợ gốc được quy đổi từ USD sang VNĐ là 21.901.811.521đ của 03 khế ước:

Khế ước số 15 ngày 10/5/2011 là 386.043,60 USD;

Khế ước số 16 ngày 17/5/2011 là 248.000USD;

Khế ước số 17 ngày 26/5/2011 là 310.000USD.

Tuy nhiên, tại bảng tính dư nợ của Công ty BB do đại diện Ngân hàng A cung cấp tại cấp phúc thẩm thì số tiền nợ gốc còn lại của Khế ước số 15 là 386.044,4 USD cao hơn so với bảng tính trước đó là 0,8 USD (386.044,4 USD - 386.043,60 USD), số tiền nợ gốc Ngân hàng A yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần vượt quá. Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc của Khế ước này với số tiền rút là 158.866 USD. Hội đồng xét thấy; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, không có ý kiến của bị đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4]. Xét yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn: Ngân hàng A yêu cầu Công ty BB phải trả số tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 716.007.134đ của:

Khế ước số 14 là 195.393.334đ

Khế ước số 15 là 254.385.680đ (Quy đổi sang USD là 10.964,9 USD)

Khế ước số 16 là 111.827.712đ (Quy đổi sang USD là 4.820,16 USD)

Khế ước số 17 là 154.400.408đ (Quy đổi sang USD là 6.655,19 USD).

Nhưng xét thấy; ngoài lời khai của Ngân hàng A và bảng thống kê lãi ngày 28/11/2018 (BL số 314) thì không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh việc tính toán lãi suất trong hạn của Ngân hàng A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận số tiền lãi Ngân hàng A yêu cầu là không đủ căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng A giao nộp cho Tòa án Bảng kê tính lãi của các khế ước thể hiện số tiền nợ lãi trong hạn như sau:

Khế ước số 14 là 195.393.334đ

Khế ước số 15 là 8.247,2 USD

Khế ước số 16 là 3.277,7 USD

Khế ước số 17 là 3.694,2 USD

Tổng cộng tiền lãi trong hạn của 04 Khế ước quy đổi sang VNĐ là 548.476.454đ. Bảng kê tính lãi Ngân hàng A giao nộp tại cấp phúc thẩm thể hiện rõ mức lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi nên có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm đối với số tiền lãi trong hạn mà Công ty BB phải trả cho Ngân hàng A là 195.393.334đ và 15.219,1USD.

[5]. Xét yêu cầu trả số tiền lãi quá hạn: Ngân hàng A yêu cầu Công ty BB phải trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 25.910.607.092đ của:

Khế ước số 14 là 254.563.220đ;

Khế ước số 15 là 11.752.875.704đ (Quy đổi sang USD là 506.589,47 USD)

Khế ước số 16 là 5.994.012.552đ (Quy đổi sang USD là 258.362,61 USD)

Khế ước số 17 là 7.909.155.616đ (Quy đổi sang USD là 340.911,88 USD).

Nhưng ngoài lời khai của Ngân hàng A và bảng thống kê lãi ngày 28/11/2018 (BL số 314) thì cũng không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh việc tính toán lãi suất quá hạn nên cũng không đủ căn cứ chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng A giao nộp cho Tòa án Bảng kê tính lãi của các khế ước thể hiện số tiền nợ lãi quá hạn như sau:

Khế ước số 14 là 210.314.815đ;

Khế ước số 15 là 476.414,2 USD (Quy đổi sang VNĐ là 11.052.809.440đ)

Khế ước số 16 là 238.898,4 USD (Quy đổi sang VNĐ là 5.542.442.880đ)

Khế ước số 17 là 297.716,2 USD (Quy đổi sang VNĐ là 6.907.015.840đ).

Tổng cộng tiền lãi quá hạn của 04 Khế ước quy đổi sang VNĐ là 23.712.582.975đ.

Bảng kê tính lãi đại diện Ngân hàng A giao nộp tại cấp phúc thẩm thể hiện rõ mức lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi nên có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn mà Công ty BB phải trả cho Ngân hàng A là 210.314.815đ và 1.013.028,8USD.

Như vậy, tổng số tiền Ngân hàng A yêu cầu được Tòa án chấp nhận là:

- Gốc 944.043,6 USD.

- Lãi trong hạn 195.393.334đ và 15.219,1 USD.

- Lãi quá hạn 210.314.815đ và 1.013.028,8 USD.

Tổng số tiền nợ sau khi quy đổi sang VNĐ là 46.162.870.949đ.

[6]. Theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay.*”. Tại 04 Khế ước có 03 Khế ước số 15, 16 và 17 là vay bằng USD nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền bằng VNĐ là không đúng.

Từ [3], [4], [5] và [6] xét thấy nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Bùi Duy T và bà Đoàn Thị L có thỏa thuận là vợ chồng ông T và bà L trả một phần nợ cho Công ty BB và Ngân hàng A giải chấp phần tài sản thế chấp của vợ chồng ông T, bà L và rút yêu cầu phát mại đối với tài sản thế chấp của vợ chồng ông T, bà L. Hội đồng xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và bà L không có kháng cáo. Viện Kiểm sát chỉ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, nguyên đơn chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do vậy, không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm.

[8]. Xét về án phí: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền 48.528.425.747đ nhưng Tòa án chỉ chấp nhận yêu cầu 46.162.870.949đ nên nguyên đơn Ngân hàng A phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là $48.528.425.747đ - 46.162.870.949đ = 2.365.554.798đ$.

[8.1]. Án phí phúc thẩm: Do Viện Kiểm sát kháng nghị nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 2, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa Bản án kinh doanh, thương mại số 06/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty BB phải trả cho Ngân hàng A 1.972.291,5 USD (*Một triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi một phẩy lăm đô la Mỹ*) và 405.708.149đ (*Bốn trăm lẻ lăm triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn, một trăm bốn chín đồng*); trong đó nợ gốc

944.043,6 USD, nợ lãi trong hạn 195.393.334đ và 15.219,1 USD, nợ lãi quá hạn 210.314.815đ và 1.013.028,8 USD.

Kể từ ngày 29/11/2019, Công ty BB tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận được ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

Những phần quyết định của bản án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật được thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty BB phải chịu 154.162.870đ (*Một trăm lăm mươi tư triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi đồng*) án phí sơ thẩm.

Ngân hàng A phải chịu 79.311.095đ (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm mười một nghìn, không trăm chín lăm đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 77.320.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005004 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự quận H, thành phố Hải Phòng. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phải nộp thêm 1.991.095đ (*Một triệu, chín trăm chín mươi một nghìn, không trăm chín lăm đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương